



CÔNG TY CỔ PHẦN VICTORY CAPITAL

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2023
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

- Kiểm toán
- Tư vấn Thuế
- Tư vấn Tài chính
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Audit
- Tax consulting
- Financial advisory
- Valuation

MỤC LỤC

TRANG:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN VICTORY CAPITAL

Số 12, Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Victory Capital (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Thụ	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	
Ông David Maurice Jackson	Thành viên	
Ông Rainer Frey	Thành viên	
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/5/2023
Ông Dương Văn Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/5/2023

Ủy Ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán	
Ông David Maurice Jackson	Thành viên Ủy Ban Kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 22/5/2023
Ông Dương Văn Việt	Thành viên Ủy Ban Kiểm toán	Miễn nhiệm ngày 22/5/2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/5/2023
Bà Ngô Việt Ngọc Thanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/3/2023
Bà Ngô Việt Ngọc Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/5/2023
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/3/2023

Người đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/5/2023
Bà Ngô Việt Ngọc Thanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/3/2023
Bà Ngô Việt Ngọc Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/5/2023
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/3/2023

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện



Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Số: 142/VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi:** Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Victory Capital

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Victory Capital (“Công ty”), được lập ngày 15 tháng 08 năm 2023, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Chữ Mạnh Hoan****Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

*Thay mặt và đại diện cho***CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		397.999.317.752	394.603.477.985
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	35.674.861.155	28.338.669.032
1. Tiền	111		1.874.861.155	2.438.669.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.800.000.000	25.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		252.373.435.851	250.792.232.662
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	41.509.397.487	41.250.523.628
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	5.866.715.761	4.244.441.476
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	35.000.000.000	35.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	302.953.306.627	303.253.251.582
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(132.955.984.024)	(132.955.984.024)
IV. Hàng tồn kho	140	10	81.647.715.639	81.647.715.639
1. Hàng tồn kho	141		82.281.264.417	82.281.264.417
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(633.548.778)	(633.548.778)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.303.305.107	28.824.860.652
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	251.544.378	325.588.360
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.842.671.427	14.290.182.990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	14.209.089.302	14.209.089.302
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		241.226.333.236	243.968.527.787
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		79.882.946.929	79.882.946.929
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	79.882.946.929	79.882.946.929
II. Tài sản cố định	220		74.934.823.149	76.322.466.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	60.686.302.002	61.866.961.034
- Nguyên giá	222		85.565.221.865	85.565.221.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.878.919.863)	(23.698.260.831)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	14.248.521.147	14.455.505.479
- Nguyên giá	228		18.855.267.505	18.855.267.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.606.746.358)	(4.399.762.026)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	86.237.244.221	87.526.192.990
- Nguyên giá	231		109.337.071.092	109.337.071.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.099.826.871)	(21.810.878.102)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		171.318.937	236.921.355
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	171.318.937	236.921.355
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		639.225.650.988	638.572.005.772

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		158.724.557.511	155.727.800.567
I. Nợ ngắn hạn	310		140.316.947.951	137.575.553.242
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	18.253.002.867	16.444.414.733
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.833.575.469	2.833.575.469
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	33.250.032	71.819.003
4. Phải trả người lao động	314		224.870.000	909.330.187
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	96.333.822.203	94.400.258.183
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		437.135.480	377.285.480
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	22.201.291.900	22.538.870.187
II. Nợ dài hạn	330		18.407.609.560	18.152.247.325
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		5.080.596.233	5.096.325.635
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	13.327.013.327	13.055.921.690
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		480.501.093.477	482.844.205.205
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	480.501.093.477	482.844.205.205
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.458.924.626	23.458.924.626
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(542.602.873.219)	(540.404.621.608)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(540.404.621.608)	(426.281.409.324)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.198.251.611)	(114.123.212.284)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.511.527.990	7.656.388.107
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		639.225.650.988	638.572.005.772



Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng

Đinh Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	10.190.879.675	34.056.477.623
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10.190.879.675	34.056.477.623
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	8.063.775.620	30.278.611.605
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.127.104.055	3.777.866.018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.054.705.035	4.739.685.296
7. Chi phí tài chính	22		40.000	-
8. Chi phí bán hàng	25	26	212.163.636	229.043.608
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	6.787.836.979	13.326.273.371
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.818.231.525)	(5.037.765.665)
11. Thu nhập khác	31	27	982.906.784	566.504.943
12. Chi phí khác	32	28	1.507.786.987	136.232.218
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(524.880.203)	430.272.725
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.343.111.728)	(4.607.492.940)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(2.343.111.728)	(4.607.492.940)
17. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		(2.198.251.611)	(4.415.210.047)
18. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		(144.860.117)	(192.282.893)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(22)	(45)



Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng

Đinh Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	
		Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.343.111.728)	(4.607.492.940)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.676.592.133	2.552.643.708
- Các khoản dự phòng	03	-	(1.264.972.529)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.054.705.035)	(4.739.685.296)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.721.224.630)	(8.059.507.057)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(842.184.778)	(13.996.554.499)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	13.043.114.610
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.009.258.944	13.696.471.857
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	139.646.400	(998.069.428)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	6.300.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(414.504.064)	3.691.755.483
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-	(420.846.772)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(172.470.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	27.726.430.029
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.763.198.187	5.429.889.037
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.763.198.187	(139.734.527.706)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.502.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.502.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.336.192.123	(136.042.772.223)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.338.669.032	210.211.785.812
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	35.674.861.155	74.169.013.589



Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng

Đinh Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Victory Capital (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305284081, ngày 29 tháng 10 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 5 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 24 người (tại ngày 01/01/2023 là 24 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng nhà, công trình đường sắt, đường bộ, đường thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác;
- Dịch vụ vệ sinh chung nhà cửa; dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn, dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động tư vấn đầu tư; tư vấn quản lý dự án đầu tư; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Quảng cáo, sáng tác nghệ thuật và giải trí;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao, và hoạt động vui chơi giải trí khác....

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng, dịch vụ quản lý, khai thác bất động sản và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu theo vốn thực góp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ theo vốn thực góp %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Victory Mỹ Phú	Tầng 7, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	90,16	90,16	Xây dựng và Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Phúc Khang Gia	Tầng 12, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	99,99	99,99	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Tân Long Phát	Tầng 12, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	99,99	99,99	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Tiến Phát Đạt	Tầng 12, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	99,99	99,99	Kinh doanh bất động sản

Theo Nghị quyết số 99/NQ-PETROLAND ngày 08/02/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc triển khai góp vốn thành lập các Công ty con bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Victory Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Victory Land. Các công ty con này đã được thành lập tại ngày 21/02/2022 với địa chỉ đăng ký trụ sở chính tại Tầng 12, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 30/6/2023, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào 02 công ty này, đồng thời các Công ty con này vẫn chưa đi vào hoạt động.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này có thể so sánh được với kỳ trước.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập tại ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu cho vay và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các ng cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các khoản khác: bao gồm các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	44 - 50
Máy móc, thiết bị	03
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03 - 17

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 46 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Số năm)
Quyền sử dụng đất	42
Nhà cửa, vật kiến trúc	40 - 42

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, các khoản phải thu về cho vay và lãi suất áp dụng.

Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Ngôi Sao Phương Nam	Cổ đông, người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT Công ty
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này	Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	12.665.783	28.740.767
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.862.195.372	2.409.928.265
Các khoản tương đương tiền (i)	33.800.000.000	25.900.000.000
Cộng	35.674.861.155	28.338.669.032

(i) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, lãi suất từ 5 – 6%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	41.509.397.487	41.250.523.628
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim (i)	11.305.219.058	6.656.680.149
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	519.453.764	5.519.453.764
Các đối tượng khác	29.684.724.665	29.074.389.715
b) Dài hạn	79.882.946.929	79.882.946.929
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	21.742.349.200	21.742.349.200
Các đối tượng khác	58.140.597.729	58.140.597.729
Cộng	121.392.344.416	121.133.470.557

(i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim (“Sao Kim”) theo Hợp đồng dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà số 03/2017/CCDVQLVH-SK ngày 20/02/2017 (“Hợp đồng 03”). Hợp đồng đã hết thời gian thực hiện vào ngày 20/02/2023. Tuy nhiên, hiện tại Sao Kim chưa đồng ý thanh lý hợp đồng và vẫn tiếp tục thực hiện quyền quản lý vận hành tòa nhà. Công ty đã nộp Đơn khởi kiện Sao Kim do vi phạm các điều khoản của Hợp đồng 03 vào ngày 14/6/2023 và Đơn kiện bổ sung ngày 13/7/2023 để yêu cầu Sao Kim bàn giao lại toàn bộ công tác quản lý vận hành toàn nhà, đồng thời thanh toán công nợ, lãi chậm trả.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn	1.932.000.000	1.932.000.000
Ông Lê Thanh Bình	700.000.000	700.000.000
Các đối tượng khác	3.234.715.761	1.612.441.476
Cộng	5.866.715.761	4.244.441.476

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Hiệp Phú Land (i)	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Cộng	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-

(i) Khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay 15112022/HĐ-HPL ngày 15/11/2022 và các phụ lục, thời hạn cho vay được gia hạn đến ngày 31/12/2023, lãi suất vay 12%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Anh Minh (i)	97.284.316.867	(97.284.316.867)	97.284.316.867	(97.284.316.867)
Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành (ii)	32.000.000.000	(32.000.000.000)	32.000.000.000	(32.000.000.000)
Khoản phải thu lại tiền truy thu và chậm nộp thuế GTGT (iii)	7.212.250.155	-	7.212.250.155	-
Công ty TNHH KOKO Holdings - Phải thu hợp tác đầu tư (iv)	156.105.000.000	-	156.105.000.000	-
Tạm ứng	2.860.682.988	(1.283.176.648)	2.576.124.648	(1.283.176.648)
Lãi dự thu	1.047.123.287	-	755.616.439	-
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	45.000.000	(35.000.000)	66.200.000	(35.000.000)
Các khoản phải thu khác	6.398.933.330	-	7.253.743.473	-
Cộng	302.953.306.627	(130.602.493.515)	303.253.251.582	(130.602.493.515)

- (i) Khoản phải thu Bệnh viện Đa khoa Anh Minh bao gồm các khoản mà Công ty đã chi hộ liên quan đến dự án đầu tư vào Dầu khí Thăng Long của Công ty và Bệnh viện Anh Minh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-Petroland ngày 05/8/2010. Đồng thời, bao gồm các khoản bù trừ Công ty phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 267/HĐCN.PETROLAND-DXG và khoản phải thu Dầu khí Thăng Long liên quan đến hợp đồng này. Công ty đã nộp đơn khởi kiện Bệnh viện Anh Minh do vi phạm Nghĩa vụ hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên vào ngày 08/8/2019. Theo Bản án phúc thẩm số 29/2023/KDTM-PT ngày 19/4/2023, vụ án đang được chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ giá trị phải thu khác đối với Bệnh viện Anh Minh.
- (ii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành (“Vạn Khởi Thành”) liên quan đến khoản vốn góp hợp tác đầu tư của Công ty vào Vạn Khởi Thành (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng) để thực hiện Dự án Nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp tại Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Công ty đã khởi kiện Vạn Khởi Thành theo Đơn khởi kiện ngày 18/5/2023 và Đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 26/6/2023 yêu cầu Công ty Vạn Khởi Thành hoàn trả lại khoản tiền này và cả lãi chậm thanh toán. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này.
- (iii) Đây là khoản liên quan đến các khoản truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế và giảm thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ theo Quyết định 845/QĐ-CT ngày 05/4/2021 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản này đã được Công ty thực hiện nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng Công ty sẽ thu lại từ các bị cáo trong vụ án “Bùi Minh Chính và đồng phạm lợi dụng chức vụ và quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Bản án sơ thẩm số 517/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.
- (iv) Khoản phải thu hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Koko Holdings (“Koko Holdings”) theo các Thỏa thuận hợp tác đầu tư tài chính có thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký kết thỏa thuận, hoặc ngày gia hạn thỏa thuận. Theo thỏa thuận, thì đối tượng đầu tư là các loại chứng khoán được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc chứng khoán được phép lưu hành khác. Tổng số vốn hợp tác đầu tư tối đa là 250 tỷ VND do Công ty sẽ chuyển vào tài khoản của Koko Holdings. Khi kết thúc thời hạn đầu tư, nếu:
- Kết quả đầu tư tài chính lỗ hoặc huê vốn, thì Koko Holdings sẽ phải hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ phần vốn góp hợp tác đã nhận từ Công ty;
 - Kết quả đầu tư tài chính lãi, thì Koko Holdings và Công ty sẽ phân chia lợi nhuận hợp tác tùy thuộc vào tỷ lệ lợi nhuận đầu tư trên vốn đầu tư.
- Các khoản hợp tác đầu tư sẽ được kết thúc tại ngày 26/9/2023 và ngày 13/11/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

9. NỢ XẤU

Là các khoản phải thu đã quá thời hạn trên 03 năm hoặc khó có khả năng thu hồi, cụ thể:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.253.490.509	-	2.253.490.509	-
Các khách hàng khác	2.253.490.509	-	2.253.490.509	-
Trả trước người bán	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bảo vệ TSG Việt Nam	100.000.000	-	100.000.000	-
Phải thu khác	130.602.493.515	-	130.602.493.515	-
Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành	32.000.000.000	-	32.000.000.000	-
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Anh Minh	97.284.316.867	-	97.284.316.867	-
Phải thu đối tượng khác	1.318.176.648	-	1.318.176.648	-
Cộng	132.955.984.024	-	132.955.984.024	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.449.757	-	29.449.757	-
Chi phí SXKD dở dang	43.794.694.933	-	43.794.694.933	-
<i>Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú (i)</i>	43.794.694.933	-	43.794.694.933	-
Hàng hóa bất động sản	38.457.119.727	633.548.778	38.457.119.727	633.548.778
<i>Dự án Chung cư Petroland Quận 2</i>	7.790.121.504	-	7.790.121.504	-
<i>Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú</i>	7.563.848.778	633.548.778	7.563.848.778	633.548.778
<i>Dự án Quận 12 (ii)</i>	23.103.149.445	-	23.103.149.445	-
Cộng	82.281.264.417	633.548.778	82.281.264.417	633.548.778

(i) Đây là chi phí tầng 2 và tầng 3 của Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú đang trong giai đoạn chờ nghiệm thu hoàn thành.

(ii) Đây là giá trị 6 thửa đất tại Quận 12, Tp.HCM

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	251.544.378	325.588.360
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.867.177	30.290.475
Các khoản khác	239.677.201	295.297.885
b) Dài hạn	171.318.937	236.921.355
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	123.938.505	201.788.248
Các khoản khác	47.380.432	35.133.107
Cộng	422.863.315	562.509.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị		Tổng cộng
				dụng cụ quản lý	hữu hình khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	80.194.793.266	242.154.545	3.487.150.035	1.085.130.519	555.993.500	85.565.221.865
Số dư cuối kỳ	80.194.793.266	242.154.545	3.487.150.035	1.085.130.519	555.993.500	85.565.221.865
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	20.040.990.759	150.158.433	2.093.453.276	968.491.910	445.166.453	23.698.260.831
- Khấu hao trong kỳ	971.735.406	35.905.386	132.733.026	31.662.296	8.622.918	1.180.659.032
Số dư cuối kỳ	21.012.726.165	186.063.819	2.226.186.302	1.000.154.206	453.789.371	24.878.919.863
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	60.153.802.507	91.996.112	1.393.696.759	116.638.609	110.827.047	61.866.961.034
Tại ngày cuối kỳ	59.182.067.101	56.090.726	1.260.963.733	84.976.313	102.204.129	60.686.302.002

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 với giá trị là 2.737.807.972 VND (tại ngày 01/01/2023: 2.446.683.927 VND).

Nhà cửa vật kiến trúc có giá trị còn lại tại ngày 30/6/2023 là 58.752.893.765 VND (tại ngày 01/01/2023 là 59.675.109.174 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	18.325.019.505	530.248.000	18.855.267.505
Số dư cuối kỳ	18.325.019.505	530.248.000	18.855.267.505
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	3.903.647.359	496.114.667	4.399.762.026
- Khấu hao trong năm	194.984.332	12.000.000	206.984.332
Số dư cuối năm	4.098.631.691	508.114.667	4.606.746.358
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	14.421.372.146	34.133.333	14.455.505.479
Tại ngày cuối năm	14.226.387.814	22.133.333	14.248.521.147

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 với giá trị là 410.248.000 VND (tại ngày 01/01/2023: 410.248.000 VND).

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số 18).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	96.749.401.508	12.587.669.584	109.337.071.092
Số dư cuối kỳ	96.749.401.508	12.587.669.584	109.337.071.092
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	19.814.428.997	1.996.449.105	21.810.878.102
Khấu hao trong năm	1.139.796.443	149.152.326	1.288.948.769
Số dư cuối kỳ	20.954.225.440	2.145.601.431	23.099.826.871
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	76.934.972.511	10.591.220.479	87.526.192.990
Tại ngày cuối kỳ	75.795.176.068	10.442.068.153	86.237.244.221

Bất động sản đầu tư có giá trị còn lại tại ngày 30/6/2023 là 77.102.477.760 VND (tại ngày 01/01/2023 là 78.247.948.523 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số 18).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023:

STT	Danh mục bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất phân bổ cho diện tích sở hữu tại tầng 12A	2.984.734.708	852.758.134	2.131.976.574
2	Quyền sử dụng đất phân bổ cho diện tích sở hữu tại tầng 02	6.965.017.933	1.073.016.886	5.892.001.047
3	Quyền sử dụng đất phân bổ cho diện tích sở hữu tại tầng 05	2.637.916.943	219.826.411	2.418.090.532
4	Sàn văn phòng tại tầng 05	11.145.695.839	1.249.382.310	9.896.313.529
5	Sàn văn phòng tại tầng 07	31.603.846.787	9.089.973.704	22.513.873.083
6	Sàn văn phòng tại tầng 12A	12.695.839.701	3.838.326.964	8.857.512.737
7	Sàn văn phòng tại tầng 02	30.017.082.625	4.624.372.367	25.392.710.258
8	Tầng hầm Chung cư cao tầng Mỹ Phú	11.286.936.556	2.152.170.095	9.134.766.461
Cộng		109.337.071.092	23.099.826.871	86.237.244.221

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC-SG")	8.949.755.062	8.949.755.062	8.949.755.062	8.949.755.062
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí ("PVC-Metal")	4.545.924.790	4.545.924.790	4.545.924.790	4.545.924.790
Các nhà cung cấp khác	4.757.323.015	4.757.323.015	2.948.734.881	2.948.734.881
Cộng	18.253.002.867	18.253.002.867	16.444.414.733	16.444.414.733

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	378.000.000	378.000.000
Các khách hàng mua dự án Chung cư Cao tầng Mỹ Phú	2.077.208.073	2.077.208.073
Các đối tượng khác	378.367.396	378.367.396
Cộng	2.833.575.469	2.833.575.469

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.209.089.302	-	-	14.209.089.302
Cộng	14.209.089.302	-	-	14.209.089.302
b) Các khoản phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	71.819.003	237.895.566	(276.464.537)	33.250.032
Các loại thuế khác	-	15.000.000	(15.000.000)	-
Cộng	71.819.003	252.895.566	(291.464.537)	33.250.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay (i)	61.527.640.813	61.527.640.813
Chi phí trích trước các dự án bất động sản, thi công	32.575.119.368	32.575.119.369
Chi phí trích trước khác	2.231.062.022	297.498.001
Cộng	96.333.822.203	94.400.258.183

- (i) Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 07/01/2010 với số tiền vay tối đa là 462 tỷ VND để tài trợ vốn cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C06-A01 Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã tắt toán khoản vay gốc với ngân hàng này từ ngày 31/12/2017, nhưng chưa tắt toán chi phí lãi vay.

Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng (Xem thuyết minh số 12, 13 và 14).

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	22.201.291.900	22.538.870.187
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	30.711.560	50.215.220
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.190.150.220	2.202.652.220
Quỹ bảo trì các dự án	17.186.711.679	17.546.623.854
Khoản nhận đặt cọc	222.068.400	281.777.739
Phải trả ngắn hạn khác	2.571.650.041	2.457.601.154
b) Dài hạn	13.327.013.327	13.055.921.690
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - phải trả về cổ phần hóa	10.850.000.327	10.850.000.327
Tiền nhận đặt cọc dài hạn	2.477.013.000	2.205.921.363
Cộng	35.528.305.227	35.594.791.877

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(426.281.409.324)	10.672.605.794	599.983.635.176
Tăng trong năm	-	-	-	-	6.300.000	6.300.000
Lỗi năm trước	-	-	-	(114.123.212.284)	(3.022.517.687)	(117.145.729.971)
Số cuối năm trước	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(540.404.621.608)	7.656.388.107	482.844.205.205
Lỗi kỳ này	-	-	-	(2.198.251.611)	(144.860.117)	(2.343.111.728)
Số cuối kỳ này	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(542.602.873.219)	7.511.527.990	480.501.093.477

Cổ tức đã thanh toán cho các cổ đông trong kỳ này là 12.502.000 VND (kỳ trước là 0 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VICTORY CAPITALSố 12, Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***Vốn điều lệ*

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305284081 sửa đổi lần 19 ngày 10/5/2023, Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 VND. Tại ngày 30/6/2023, chi tiết Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Cổ đông Đỗ Thị Hiền	23.964.820	23,96%	23.964.820	23,96%
Cổ đông Nguyễn Văn Vinh	20.083.840	20,08%	20.083.840	20,08%
Cổ đông Lê Thị Tư	8.516.000	8,52%	8.516.000	8,52%
Cổ đông Lê Văn Thăng	8.515.000	8,52%	8.515.000	8,52%
Cổ phiếu quỹ	1.134.920	1,13%	1.134.920	1,13%
Các cổ đông khác	37.785.420	37,79%	37.785.420	37,79%
Cộng	100.000.000	100,00%	100.000.000	100,00%

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	1.134.920	1.134.920
+ Cổ phiếu phổ thông	1.134.920	1.134.920
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	98.865.080	98.865.080
+ Cổ phiếu phổ thông	98.865.080	98.865.080
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là kinh doanh và cho thuê bất động sản, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh đều diễn ra tại một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

22. DOANH THU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.205.356.986	16.063.636.368
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	4.985.522.689	4.527.532.165
Doanh thu kinh doanh thành phẩm bất động sản	-	13.465.309.090
Cộng	10.190.879.675	34.056.477.623



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.469.004.193	15.745.562.740
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	2.594.771.427	1.455.202.731
Giá vốn kinh doanh thành phẩm bất động sản	-	13.077.846.134
Cộng	8.063.775.620	30.278.611.605

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.745.733.146	8.200.553.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.676.592.133	2.552.643.708
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.264.972.529)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.479.265.177	17.907.232.099
Chi phí khác bằng tiền	1.162.185.779	3.500.456.336
Cộng	15.063.776.235	30.895.913.475

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.054.705.035	4.739.685.296
Cộng	3.054.705.035	4.739.685.296

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.163.636	174.487.161
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	54.556.447
Cộng	212.163.636	229.043.608

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	445.752.038	162.164.223
Chi phí nhân viên	4.745.733.146	8.200.553.861
Chi phí khấu hao TSCĐ	261.820.706	273.621.003
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.264.972.529)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	618.097.348	2.671.171.147
Các khoản chi phí QLDN khác	716.433.741	3.283.735.666
Cộng	6.787.836.979	13.326.273.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

27. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập từ tiền phạt	217.787.377	566.200.000
Các khoản khác	765.119.407	304.943
Cộng	982.906.784	566.504.943

28. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng, phạt thuế	23.000.000	135.205.688
Các khoản khác	1.484.786.987	1.026.530
Cộng	1.507.786.987	136.232.218

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(2.343.111.728)	(4.607.492.940)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.592.841.376	432.700.386
Thu nhập chịu thuế	(750.270.352)	(4.174.792.554)
Lỗi năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(750.270.352)	(4.174.792.554)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ còn được khấu trừ cho các năm sau tại ngày 30/6/2023 do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(2.198.251.611)	(4.415.210.047)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.198.251.611)	(4.415.210.047)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	98.865.080	98.865.080
	(22)	(45)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và tương đương tiền	35.674.861.155	28.338.669.032
Nợ thuần	(35.674.861.155)	(28.338.669.032)
Vốn chủ sở hữu	480.501.093.477	482.844.205.205
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	35.674.861.155	28.338.669.032	35.674.861.155	28.338.669.032
Phải thu khách hàng và phải thu khác	289.902.160.679	290.106.590.115	289.902.160.679	290.106.590.115
Phải thu cho vay	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tổng cộng	360.577.021.834	358.445.259.147	360.577.021.834	358.445.259.147
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	53.750.596.534	51.988.991.390	53.750.596.534	51.988.991.390
Chi phí phải trả	96.333.822.203	94.400.258.183	96.333.822.203	94.400.258.183
Tổng cộng	150.084.418.737	146.389.249.573	150.084.418.737	146.389.249.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

HÀN
CTO
VITA
052
H
HÀN
HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối kỳ	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	35.674.861.155	-	35.674.861.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	210.019.213.750	79.882.946.929	289.902.160.679
Phải thu về cho vay	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Tổng cộng	280.694.074.905	79.882.946.929	360.577.021.834
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	40.423.583.207	13.327.013.327	53.750.596.534
Chi phí phải trả	96.333.822.203	-	96.333.822.203
Tổng cộng	136.757.405.410	13.327.013.327	150.084.418.737
Chênh lệch thanh khoản thuần	143.936.669.495	66.555.933.602	210.492.603.097
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số đầu năm	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	28.338.669.032	-	28.338.669.032
Phải thu khách hàng và phải thu khác	210.223.643.186	79.882.946.929	290.106.590.115
Phải thu về cho vay	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tổng cộng	243.562.312.218	79.882.946.929	358.445.259.147
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	38.933.069.700	13.055.921.690	51.988.991.390
Chi phí phải trả	94.400.258.183	-	94.400.258.183
Tổng cộng	133.333.327.883	13.055.921.690	146.389.249.573
Chênh lệch thanh khoản thuần	110.228.984.335	66.827.025.239	212.056.009.574

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia trong kỳ đã gồm 755.616.439 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong kỳ này và không bao gồm 1.047.123.287 VND là số tiền lãi của kỳ này nhưng chưa thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, ngoài các số dư với các bên liên quan tại các thuyết minh số 20; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Lương và Thù lao Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban điều hành, quản lý:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lương/Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý		
Ông Nguyễn Tấn Thụ - Chủ tịch HĐQT	708.387.203	673.198.931
Ông Dương Văn Việt - Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT - Đã miễn nhiệm	60.096.774	67.400.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thành viên HĐQT kiêm chủ tịch UBKT	97.800.000	67.400.000
Ông Rainer Frey - Thành viên HĐQT	81.000.000	90.922.512
Ông David Maurice Jackson - Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT	81.000.000	90.922.512
Ông Lê Văn Vũ - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	146.472.403	-
Ông Nguyễn Thanh Tuấn - Tổng Giám đốc - Đã miễn nhiệm	319.124.562	461.045.327
Bà Ngô Việt Ngọc Thanh - Tổng Giám đốc - Đã miễn nhiệm	109.345.453	-
Ông Phạm Mạnh Hải - Phó Tổng Giám đốc - Đã miễn nhiệm	-	260.547.177
Ông Nguyễn Phú Hùng - Tổng Giám đốc - Đã miễn nhiệm	-	370.356.631
Cộng	1.603.226.396	2.081.793.090

34. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 20/6/2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị Quyết số 353/NQ-VCG thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm 100.000.000 cổ phiếu riêng lẻ năm 2023, đồng thời cũng đã ban hành Nghị Quyết số 355/NQ-VCG ngày 20/6/2023 về việc thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ nêu trên. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục xin phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền để thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ này.



Lê Văn Vũ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng

Đinh Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu